

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 để thanh toán khối lượng hoàn thành, đầu tư hoàn thành dự án	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 đã giao	Bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn NSDP 5 năm 2021-2025					Điều chỉnh tăng, giảm (-) nguồn vốn 5 năm 2021-2025		Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau bổ sung, phân bổ đợt 1 (gồm vốn phân bổ chi tiết sau và vốn dự phòng 5%) và điều chỉnh nguồn vốn			
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số 5 năm 2021-2025	Bổ sung vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Bao gồm		Phân bổ đợt 1 vốn dự phòng 5% (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Tổng số 5 năm 2021-2025	Vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Bao gồm	
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP					Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất						Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=5+6+11+12	14	15	16
	Tổng số				8,154,569.4	7,150,305.6	7,115,916.2	897,460.000	3,707,639.488	30,485.782	669,931.835	2,554,868.871	452,353.000	-50,000.000	36,281.995	4,591,381.483	30,485.782	629,931.835	3,930,963.866
I	Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2020				56,072.2	51,808.5	17,419.0		17,419.048	17,419.048						17,419.048	17,419.048		
1	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Thái Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Nam Sách	2019-2020	4459, 20/12/2019; 229, 17/01/2020; 640, 12/3/2020	7,911.7	7,911.7	4,346.2		4,346.218	4,346.218						4,346.218	4,346.218		
2	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Thái Bình, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Thanh Hà	2019-2020	4460, 20/12/2019; 232, 17/01/2020; 636, 12/3/2020	5,602.1	5,602.1	3,167.2		3,167.223	3,167.223						3,167.223	3,167.223		
3	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Kinh Môn	2019-2020	4461, 20/12/2019; 230, 17/01/2020; 639, 12/3/2020	5,737.3	5,737.3	3,307.4		3,307.392	3,307.392						3,307.392	3,307.392		
4	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở kè Thất Hùng và bãi sông đê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Kinh Môn	2019-2020	4457, 20/12/2019; 230, 17/01/2020; 639, 12/3/2020	5,500.0	5,500.0	2,732.1		2,732.064	2,732.064						2,732.064	2,732.064		
5	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Kinh Môn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Kinh Môn	2019-2020	4458, 20/12/2019; 233, 17/01/2020; 638, 12/3/2020	3,108.7	3,108.7	1,783.2		1,783.164	1,783.164						1,783.164	1,783.164		
6	Cải tạo, nâng cấp khu tượng đài Bác Hồ tại xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang	Ninh Giang	2015-2017	3279; 25/12/2014	22,863.7	19,400.0	537.9		537.857	537.857						537.857	537.857		
7	Nhà dạy nghề của Trung tâm giới thiệu việc làm thanh niên	TPHD	2011-2013	3350, 03/12/2010; 2359, 19/8/2011; 2393, 23/10/2012; 3627, 27/11/2017	5,348.7	4,548.7	1,545.1		1,545.130	1,545.130						1,545.130	1,545.130		
II	Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				4,563,207.2	3,563,207.2	3,563,207.2	897,460.000	2,678,813.886	13,066.734	516,252.000	1,697,142.152	452,353.000	-50,000.000	36,281.995	3,562,555.881	13,066.734	476,252.000	3,073,237.147

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 để thanh toán khối lượng hoàn thành, đầu tư hoàn thành dự án	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 đã giao	Bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn NSDP 5 năm 2021-2025					Điều chỉnh tăng, giảm (-) nguồn vốn 5 năm 2021-2025		Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau bổ sung, phân bổ đợt 1 (gồm vốn phân bổ chi tiết sau và vốn dự phòng 5%) và điều chỉnh nguồn vốn			
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số 5 năm 2021-2025	Bổ sung vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Bao gồm		Phân bổ đợt 1 vốn dự phòng 5% (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm		
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP					Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất					Vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=5+6+11+12	14	15	16
1	Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	Thanh Miện, Ninh Giang, Tứ Kỳ	2021-2025	27/NQ-HĐND, 24/12/2020; 19/NQ-HĐND, 12/7/2021; 1643, 03/6/2021	1,778,886.0	778,886.0	778,886.0	499,650.000	279,236.000				279,236.000			778,886.000		10,000.000	768,886.000
2	Đầu tư xây dựng đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện (giai đoạn 1)	Thanh Miện	2022-2025	403; 28/01/2022	397,810.0	397,810.0	397,810.0	397,810.000	13,066.734	13,066.734				-13,718.005		397,158.729	13,066.734		384,091.995
3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	TPHD	2022-2023	65/NQ-HĐND, 28/12/2021	8,411.2	8,411.2	8,411.2		8,411.152			8,411.152				8,411.152			8,411.152
4	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ sản Hải Dương giai đoạn II (Khởi điều trị nội trú và dịch vụ tổng hợp)	TPHD	2022-2025	64/NQ-HĐND, 28/12/2021	243,874.0	243,874.0	243,874.0		243,874.000		243,874.000			-50,000.000	50,000.000	243,874.000		193,874.000	50,000.000
5	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn nối từ đường tỉnh 395 đến đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện)	Bình Giang	Giai đoạn 2021-2025	61/NQ-HĐND, 28/12/2021	1,208,415.0	1,208,415.0	1,208,415.0		1,208,415.000			1,173,670.000	34,745.000			1,208,415.000			1,208,415.000
6	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn từ cầu Hợp Thanh đến cầu Quang Thanh	Thanh Hà	Giai đoạn 2021-2025	62/NQ-HĐND, 28/12/2021	421,189.0	421,189.0	421,189.0		421,189.000			421,189.000				421,189.000			421,189.000
7	Đầu tư xây dựng cầu Cây thuộc tuyến tránh đường tỉnh 394, tỉnh Hải Dương	Cầm Giàng và Bình Giang	Giai đoạn 2021-2025	63/NQ-HĐND, 28/12/2021	202,980.0	202,980.0	202,980.0		202,980.000		202,980.000					202,980.000		202,980.000	
8	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 391, đoạn Km24+600-Km28+400	Tứ Kỳ	Giai đoạn 2021-2025	09/NQ-HĐND; 29/4/2022	257,770.0	257,770.0	257,770.0		257,770.000		69,398.000	50,000.000	138,372.000			257,770.000		69,398.000	188,372.000
9	Trường THPT Nhị Chiểu, thị xã Kinh Môn (địa điểm mới - giai đoạn 2)	Kinh Môn	Giai đoạn 2021-2025	16/NQ-HĐND; 24/6/2022	43,872.0	43,872.0	43,872.0		43,872.000			43,872.000				43,872.000			43,872.000
III	Dự án khôi công mới, dự kiến hoàn thành giai đoạn sau năm 2025				3,535,290.0	3,535,290.0	3,535,290.0		1,011,406.554		153,679.835	857,726.719				1,011,406.554		153,679.835	857,726.719

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 để thanh toán hoàn thành, đầu tư hoàn thành dự án	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 đã giao	Bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn NSDP 5 năm 2021-2025					Điều chỉnh tăng, giảm (-) nguồn vốn 5 năm 2021-2025		Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau bổ sung, phân bổ đợt 1 (gồm vốn phân bổ chi tiết sau và vốn dự phòng 5%) và điều chỉnh nguồn vốn			
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm			
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP				Bổ sung vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Phân bổ đợt 1 vốn phân bổ chi tiết sau					Vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Vốn kế hoạch 5 năm 2021-2025		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=5+6+11+12	14	15	16
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường và cầu Vạn kết nối Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh với đường dẫn cầu Triều, thị xã Kinh Môn	Chí Linh và Kinh Môn		18/NQ-HĐND; 24/6/2022	1,296,200.0	1,296,200.0	1,296,200.0		231,098.815		13,372.096	217,726.719				231,098.815		13,372.096	217,726.719
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 396 kéo dài (đoạn nối từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	Tứ Kỳ và Thanh Hà		17/NQ-HĐND; 24/6/2022	846,420.0	846,420.0	846,420.0		280,307.739		140,307.739	140,000.000				280,307.739		140,307.739	140,000.000
3	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 391 đoạn từ thành phố Hải Dương đến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	TPHD và Tứ Kỳ		08/NQ-HĐND; 29/4/2022	1,392,670.0	1,392,670.0	1,392,670.0		500,000.000			500,000.000				500,000.000			500,000.000

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		Kế hoạch vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 đã giao			Bổ sung kế hoạch vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022			Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau bổ sung				
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số 5 năm 2021-2025	Trong đó, vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm			
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP					Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn tăng thu thường xuyên	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn tăng thu thường xuyên	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=7+10	14=11	15=8	16=9+12	
	Tổng số				5,388,594.7	5,248,322.9	763,769.441	30,485.782	1,400.000	92,625.620	75,067.436	17,558.184	281,671.782	30,485.782	251,186.000	374,297.402	30,485.782	75,067.436	268,744.184	
I	Chuẩn bị đầu tư				4,449,512.8	4,449,512.8							14,680.000	14,680.000	14,680.000				14,680.000	
1	Đầu tư xây dựng cầu Cây thuộc tuyến tránh đường tỉnh 394, tỉnh Hải Dương			63/NQ-HĐND, 28/12/2021	202,980.0	202,980.0							1,030.000		1,030.000	1,030.000				1,030.000
2	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn từ cầu Hợp Thanh đến cầu Quang Thanh			62/NQ-HĐND, 28/12/2021	421,189.0	421,189.0							3,000.000		3,000.000	3,000.000				3,000.000
3	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn nối từ đường tỉnh 395 đến đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện)			61/NQ-HĐND, 28/12/2021	1,208,415.0	1,208,415.0							3,880.000		3,880.000	3,880.000				3,880.000
4	Đầu tư xây dựng tuyến tránh đường tỉnh 398B (đoạn từ Quốc lộ 18 - hồ Bến Tắm)			33/NQ-HĐND; 12/7/2021	648,790.0	648,790.0							630.000		630.000	630.000				630.000
5	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 391, đoạn Km24+600-Km28+400			09/NQ-HĐND; 29/4/2022	257,770.0	257,770.0							500.000		500.000	500.000				500.000
6	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 391 đoạn từ thành phố Hải Dương đến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương			08/NQ-HĐND; 29/4/2022	1,392,670.0	1,392,670.0							1,370.000		1,370.000	1,370.000				1,370.000
7	Cải tạo, nâng cấp công trình đê điều đê địa phương tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025			43/NQ-HĐND; 29/10/2021	150,000.0	150,000.0							2,220.000		2,220.000	2,220.000				2,220.000
8	Tu bổ, nạo vét kênh dẫn nước tưới, tiêu và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025			44/NQ-HĐND; 29/10/2021	167,698.8	167,698.8							2,050.000		2,050.000	2,050.000				2,050.000
II	Thực hiện đầu tư dự án				939,081.9	798,810.1	763,769.441	30,485.782	1,400.000	92,625.620	75,067.436	17,558.184	266,991.782	30,485.782	236,506.000	359,617.402	30,485.782	75,067.436	254,064.184	
II.1	Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng từ năm 2021 trở về trước				56,072.2	51,808.5	17,419.048	17,419.048					17,419.048	17,419.048		17,419.048	17,419.048			
1	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Thái Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Nam Sách	2019-2020	4459, 20/12/2019; 229, 17/01/2020; 640, 12/3/2020	7,911.7	7,911.7	4,346.218	4,346.218					4,346.218	4,346.218		4,346.218	4,346.218			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		Kế hoạch vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 đã giao			Bổ sung kế hoạch vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022			Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau bổ sung			
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số 5 năm 2021-2025	Trong đó, vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP					Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn tăng thu thường xuyên	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn tăng thu thường xuyên	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=7+10	14=11	15=8	16=9+12
2	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Thái Bình, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Thanh Hà	2019-2020	4460, 20/12/2019; 232, 17/01/2020; 636, 12/3/2020	5,602.1	5,602.1	3,167.223	3,167.223					3,167.223	3,167.223		3,167.223	3,167.223		
3	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Kinh Môn	2019-2020	4461, 20/12/2019; 230, 17/01/2020; 639, 12/3/2020	5,737.3	5,737.3	3,307.392	3,307.392					3,307.392	3,307.392		3,307.392	3,307.392		
4	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở kè Thát Hùng và bãi sông đê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Kinh Môn	2019-2020	4457, 20/12/2019; 230, 17/01/2020; 639, 12/3/2020	5,500.0	5,500.0	2,732.064	2,732.064					2,732.064	2,732.064		2,732.064	2,732.064		
5	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Kinh Môn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Kinh Môn	2019-2020	4458, 20/12/2019; 233, 17/01/2020; 638, 12/3/2020	3,108.7	3,108.7	1,783.164	1,783.164					1,783.164	1,783.164		1,783.164	1,783.164		
6	Cải tạo, nâng cấp khu tượng đài Bác Hồ tại xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang	Ninh Giang	2015-2017	3279; 25/12/2014	22,863.7	19,400.0	537.857	537.857					537.857	537.857		537.857	537.857		
7	Nhà dạy nghề của Trung tâm giới thiệu việc làm thanh niên	TPHD	2011-2013	3350, 03/12/2010; 2359, 19/8/2011; 2393, 23/10/2012; 3627, 27/11/2017	5,348.7	4,548.7	1,545.130	1,545.130					1,545.130	1,545.130		1,545.130	1,545.130		
II.2	Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành sau năm 2022				883,009.7	747,001.6	746,350.393	13,066.734	1,400.000	92,625.620	75,067.436	17,558.184	249,572.734	13,066.734	236,506.000	342,198.354	13,066.734	75,067.436	254,064.184
1	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Đồng Việt kết nối với Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh	Chí Linh	2022-2025	3849; 25/12/2021	469,820.0	333,811.9	333,812.000		1,400.000	92,625.620	75,067.436	17,558.184	100,000.000		100,000.000	192,625.620		75,067.436	117,558.184
2	Đầu tư xây dựng đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện (giai đoạn I)	Thanh Miện	2022-2025	403; 28/01/2022	397,810.0	397,810.0	397,158.729	13,066.734					139,572.734	13,066.734	126,506.000	139,572.734	13,066.734		126,506.000
3	Sửa chữa Trụ sở làm việc Trung tâm lưu trữ lịch sử thuộc Sở Nội vụ Hải Dương và Kho lưu trữ hồ sơ tài liệu của tỉnh	TPHD	2022-2023	763; 04/4/2022	8,599.5	8,599.5	8,599.463						5,000.000		5,000.000	5,000.000			5,000.000
4	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương	TPHD	2022-2023	1663; 14/6/2022	6,780.2	6,780.2	6,780.201						5,000.000		5,000.000	5,000.000			5,000.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 để thanh toán khối lượng hoàn thành, đầu tư hoàn thành dự án	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 đã giao			Dự kiến bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn NSDP 5 năm 2021-2025				Dự kiến kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau bổ sung và phân bổ đợt 1 (vốn phân bổ chi tiết sau và vốn dự phòng 5%)			
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư (dự kiến)			Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm		Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm			Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm		
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP			Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu XSKT		Bổ sung vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Phân bổ đợt 1 vốn phân bổ chi tiết sau (Vốn thu tiền sử dụng đất)	Phân bổ đợt 1 vốn dự phòng 5% (nguồn thu tiền sử dụng đất)		Vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Vốn kế hoạch 5 năm 2021-2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	15=10	16=7+12+13	17=8				
	Tổng số				273,282.5	154,022.5	133,100.1	210,637.535	205,285.341	5,352.194	444,648.538	399,583.218	34,840.027	10,225.293	655,286.073	399,583.218	250,350.661	5,352.194
I	Cấp bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất tỉnh Hải Dương							200,000.000	200,000.000		322,186.000	322,186.000			522,186.000	322,186.000	200,000.000	
II	Thực hiện đầu tư dự án				273,282.5	154,022.5	133,100.1	10,637.535	5,285.341	5,352.194	122,462.538	77,397.218	34,840.027	10,225.293	133,100.073	77,397.218	50,350.661	5,352.194
II.1	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				211,125.3	91,865.3	70,942.9	10,637.535	5,285.341	5,352.194	60,305.320	25,240.000	34,840.027	225.293	70,942.855	25,240.000	40,350.661	5,352.194
1	Chống ngập úng và nuôi trồng thủy sản khu vực Hưng Đạo, thị xã Chí Linh	Chí Linh	2020-2024	4400, 27/10/2016; 3278, 24/8/2020	166,400.0	47,140.0	46,025.3	5,285.341	5,285.341		40,740.000	20,740.000	20,000.000		46,025.341	20,740.000	25,285.341	
2	Trường THPT Nhị Chiểu (địa điểm mới - giai đoạn 1)	Kinh Môn	2018-2023	3129; 31/10/2016	44,725.3	44,725.3	24,917.5	5,352.194		5,352.194	19,565.320	4,500.000	14,840.027	225.293	24,917.514	4,500.000	15,065.320	5,352.194
II.2	Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				62,157.2	62,157.2	62,157.2				62,157.218	52,157.218		10,000.000	62,157.218	52,157.218	10,000.000	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	TPHD	2022-2023		30,000.0	30,000.0	30,000.0				30,000.000	30,000.000			30,000.000	30,000.000		
2	Nâng cấp hệ thống máy móc, trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại hóa ngành thuế		2022-2023		3,000.0	3,000.0	3,000.0				3,000.000	3,000.000			3,000.000	3,000.000		
3	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở cũ của Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh để bố trí lại trụ sở làm việc của một số đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm trợ giúp pháp lý (Sở Tư pháp), Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Hải Dương	TPHD	2022-2023		20,000.0	20,000.0	20,000.0				20,000.000	10,000.000		10,000.000	20,000.000	10,000.000	10,000.000	
4	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện phổi Hải Dương - Hạng mục: Nhà điều trị bệnh nhân lao phổi AFB lao ngoài phổi và lao HIV (khoa hồi sức cấp cứu); Nhà hô hấp cấp cứu 2 tầng (khoa ung bướu)	TPHD	2022-2023		9,157.2	9,157.2	9,157.2				9,157.218	9,157.218			9,157.218	9,157.218		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025					Trong đó, kế hoạch vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Dự kiến bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022			Dự kiến kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau bổ sung		
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm			Tổng số		Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP		Vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất			Vốn thu XSKT	Vốn tăng thu thường xuyên		Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu thường xuyên	Vốn thu tiền sử dụng đất
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=10	14	15
	Tổng số				543,696.8	424,436.8	925,700.316	399,583.218	193,874.000	326,890.904	5,352.194	106,135.341	600,583.218	399,583.218	201,000.000	600,583.218	399,583.218	201,000.000
I	Cấp bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất tỉnh Hải Dương						522,186.000	322,186.000		200,000.000		100,000.000	422,186.000	322,186.000	100,000.000	422,186.000	322,186.000	100,000.000
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới											30,000.000		30,000.000	30,000.000	30,000.000		30,000.000
III	Thực hiện đầu tư dự án				543,696.8	424,436.8	403,514.316	77,397.218	193,874.000	126,890.904	5,352.194	6,135.341	148,397.218	77,397.218	71,000.000	148,397.218	77,397.218	71,000.000
III.2	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau năm 2022				211,125.3	91,865.3	70,942.855	25,240.000		40,350.661	5,352.194	6,135.341	30,240.000	25,240.000	5,000.000	30,240.000	25,240.000	5,000.000
1	Chồng ngập úng và nuôi trồng thủy sản khu vực Hưng Đạo, thị xã Chí Linh	Chí Linh	2020-2024	4400, 27/10/2016; 3278, 24/8/2020	166,400.0	47,140.0	46,025.341	20,740.000		25,285.341		5,285.341	25,740.000	20,740.000	5,000.000	25,740.000	20,740.000	5,000.000
2	Trường THPT Nhị Chiểu (địa điểm mới - giai đoạn 1)	Kinh Môn	2018-2023	3129; 31/10/2016	44,725.3	44,725.3	24,917.514	4,500.000		15,065.320	5,352.194	850.000	4,500.000	4,500.000		4,500.000	4,500.000	
III.2	Dự án khởi công mới				332,571.5	332,571.5	332,571.461	52,157.218	193,874.000	86,540.243			118,157.218	52,157.218	66,000.000	118,157.218	52,157.218	66,000.000
1	Cải tạo, sửa chữa nhà Hội trường UBND tỉnh	TPHD	2022-2023	51/NQ-HĐND, 08/12/2021	14,000.0	14,000.0	14,000.000			14,000.000			8,000.000		8,000.000	8,000.000		8,000.000
2	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục tầng 1 và sân đường nội bộ, tường rào thư viện tỉnh (Trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương)	TPHD	2022-2023	51/NQ-HĐND, 08/12/2021	4,129.1	4,129.1	4,129.091			4,129.091			3,000.000		3,000.000	3,000.000		3,000.000
3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	TPHD	2022-2023	65/NQ-HĐND, 28/12/2021	8,411.2	8,411.2	8,411.152			8,411.152			5,000.000		5,000.000	5,000.000		5,000.000
4	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ sản Hải Dương giai đoạn II (Khởi điều trị nội trú và dịch vụ tổng hợp)	TPHD	2022-2025	64/NQ-HĐND, 28/12/2021	243,874.0	243,874.0	243,874.000		193,874.000	50,000.000			50,000.000		50,000.000	50,000.000		50,000.000
5	Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	TPHD	2022-2023		30,000.0	30,000.0	30,000.000	30,000.000					30,000.000	30,000.000		30,000.000	30,000.000	
6	Nâng cấp hệ thống máy móc, trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại hóa ngành thuế		2022-2023		3,000.0	3,000.0	3,000.000	3,000.000					3,000.000	3,000.000		3,000.000	3,000.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025					Trong đó, kế hoạch vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Dự kiến bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022			Dự kiến kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau bổ sung				
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số 5 năm 2021-2025	Vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm			
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP			Vốn kế hoạch 5 năm 2021-2025					Vốn tăng thu thường xuyên	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn thu XSKT	Tổng số	Vốn tăng thu thường xuyên	Vốn thu tiền sử dụng đất
									Vốn XD/CB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu XSKT									
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=10	14	15		
7	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở cũ của Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh để bố trí lại trụ sở làm việc của một số đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm trợ giúp pháp lý (Sở Tư pháp), Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Hải Dương	TPHD	2022-2023		20,000.0	20,000.0	20,000.000	10,000.000		10,000.000			10,000.000	10,000.000		10,000.000	10,000.000			
8	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện phổi Hải Dương - Hạng mục: Nhà điều trị bệnh nhân lao phổi AFB lao ngoài phổi và lao HIV (khoa hồi sức cấp cứu); Nhà hô hấp cấp cứu 2 tầng (khoa ung bướu)	TPHD	2022-2023		9,157.2	9,157.2	9,157.218	9,157.218					9,157.218	9,157.218		9,157.218	9,157.218			

PHỤ LỤC SỐ 05*(Kèm theo Nghị quyết số**/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quy mô	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2022
	Tổng số				20,235.000	20,235.000	20,235.000
1	Xây dựng kênh dẫn, đường bờ kênh kết hợp đường dẫn cầu Sôi, xã An Thanh	Tứ Kỳ	2022-2023		14,735.000	14,735.000	14,735.000
2	Cải tạo, nâng cấp cống lấy nước, kênh tưới, khu đầu mối trạm bơm Chùa Khu	Thanh Miện	2022-2023	Tưới, tiêu kết hợp (1.116 ha)	5,500.000	5,500.000	5,500.000

PHỤ LỤC SỐ 06*(Kèm theo Nghị quyết số**/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2022
	Tổng số			5,000.000	5,000.000	5,000.000
1	Cải tạo, sửa chữa Khu nhà B Trường chính trị tỉnh Hải Dương	TPHD	2022-2023	2,500.000	2,500.000	2,500.000
2	Cải tạo, sửa chữa hàng rào Nhà thiếu nhi tỉnh	TPHD	2022-2023	2,500.000	2,500.000	2,500.000

Ghi chú: Việc cải tạo, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công và cải tạo phục vụ cảnh quan đô thị.